

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA**



THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

Số: 468/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

về việc Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo
Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định 1669/QĐ-ĐHYD ngày 05/09/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên về hướng dẫn Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa năm 2023.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2023-2024.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *HN*

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo, MC.

HIỆU TRƯỞNG



ulld
PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 468 ngày 28 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú Ngoại khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Surgical Residency Program*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam (lần 1), theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 21/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt Nam (lần 2).*
5. Trình độ đào tạo: *Bác sĩ Nội trú*
6. Ngành đào tạo: *Ngoại khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *NT 62 72 07 50*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú Ngoại khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Resident Doctor in Surgery*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp	X	X	X
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng thực hiện thành thạo các phương pháp khám bệnh, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng và các thủ thuật, phẫu thuật ngoại khoa thường gặp.	X	X	X
PEO 3	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	X	X	X
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức y khoa			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong hoạt động chăm sóc khoẻ và truyền đạt kiến thức y khoa.	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức lâm sàng, cận lâm sàng và chứng cứ y học trong chẩn đoán, điều trị người bệnh mắc bệnh ngoại khoa thường gặp.		x
II. Kỹ năng chăm sóc người bệnh và thực hiện phẫu thuật, thủ thuật			
PLO 3	Thực hiện thành thạo khai thác bệnh sử, tiền sử và khám bệnh để chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thường gặp.	x	
PLO 4	Phân tích thành thạo giá trị của xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng trong chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.		x
PLO 5	Ra quyết định đúng về chỉ định điều trị, dự phòng, theo dõi người bệnh mắc bệnh ngoại khoa thường gặp.		x
PLO 6	Thực hiện thành thạo, an toàn một số thủ thuật, phẫu thuật ngoại khoa.		x
PLO 7	Theo dõi, chăm sóc, điều trị được các người bệnh sau phẫu thuật.		x
III. Tính chuyên nghiệp			
PLO 8	Thể hiện tính liêm chính, trung thực, có trách nhiệm trong quá trình thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học	x	
PLO 9	Thể hiện sự thấu cảm, lòng trắc ẩn trong giao tiếp, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, điều trị, tư vấn người bệnh, thông báo tin xấu phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội của người bệnh.		x
IV. Các kỹ năng giao tiếp và hợp tác			
PLO 10	Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp để giải quyết các vấn đề sức khỏe của người bệnh đạt hiệu quả tối ưu.		x

PLO 11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình. Tham gia hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và hướng dẫn chuyên môn cho thành viên của nhóm chăm sóc		X
V. Thực hành dựa trên hệ thống			
PLO 12	Chủ động cập nhật các quy định của hệ thống y tế để thực hành nghề nghiệp phù hợp.		X
PLO 13	Áp dụng đúng các quy định, pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trong thăm khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe người bệnh.		X
VI. Học tập và cải thiện dựa trên thực hành			
PLO 14	Chủ động học tập và cải thiện kỹ năng trong thực hành ngoại khoa.	X	
PLO 15	Thực hiện hoàn chỉnh công trình nghiên cứu khoa học.		X

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
	PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PLO 10	PLO 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15
PEO 1	x	x													
PEO 2	x	x													
PEO 3			X	X	X	X	X			X	X				
PEO 4														X	X
PEO 5								X	X			X	X	X	X

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện dự tuyển

- Tốt nghiệp bác sĩ chính quy ngành Y khoa, xếp loại tốt nghiệp loại khá trở lên trong vòng 12 tháng từ ngày được công nhận tốt nghiệp.
- Môn chuyên ngành có điểm tổng kết học phần đạt từ 7,0 trở lên.
- Trong các năm đại học không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ trường hợp dừng học vì lý do sức khỏe).
- Chỉ được dự tuyển 01 lần tại trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Không giới hạn tuổi dự thi.
- Miễn thi tuyển nếu tốt nghiệp đại học loại Xuất sắc khi đủ các tiêu chuẩn khác.

2. Điều kiện trúng tuyển

- Điểm các môn thi đều phải đạt từ 5,0 trở lên, trong đó môn chuyên ngành phải đạt từ 7,0 trở lên (thang điểm 10). Nếu số thí sinh có điểm đạt lớn hơn số chỉ tiêu đào tạo thì lấy từ cao xuống thấp đến số thứ tự bằng số chỉ tiêu căn cứ vào tổng điểm ba môn thi (không tính điểm ngoại ngữ và điểm môn toán; không làm tròn điểm thi).

- Đối tượng ưu tiên được thực hiện theo quy định tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành (bao gồm thi tốt nghiệp, bảo vệ luận văn tốt nghiệp) và các môn chung, môn cơ sở ngành theo Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú của Bộ Y tế và của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức chung: 12 (12%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 12 (10,43%)									
1	HCTH 2013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP 2013	Phương pháp dạy học lâm sàng	3 (1/2)	30	30	90				1
3	HCTO 2013	Tin học ứng dụng	3 (2/1)	15	60	75				1
4	HCPH 2013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 06 học phần; 15 tín chỉ (15%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 04 học phần; 11 tín chỉ (11%)									
5	NHGP 2213	Giải phẫu ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75				2

6	NHGM 2213	Gây mê - hồi sức ngoại khoa	3 (1/2)	15	60	75				2
7	NHHS 2213	Hồi sức cấp cứu	3 (1/2)	15	60	75				2
8	NHQL 2212	Quản lý bệnh viện	2 (1/1)	15	30	55				2
2.2	Học phần/Module tự chọn: Chọn 2/4 học phần gồm 4 tín chỉ (4%)									
9	NHDL 2312	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				2
10	NHCD 2312	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				2
11	NHCC 2312	Cấp cứu sản	2 (1/1)	15	30	55				2
12	NHUT 2312	Ung thư	2 (1/1)	15	30	55				2
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 10 học phần; 60 tín chỉ (60%)									
3.1	Học phần/module bắt buộc: 05 học phần; 30 (60 %)									
13	NHCT 2416	Ngoại chấn thương chính hình	6 (2/4)	30	120	150			NHGP 2213	1
14	NHTN 2416	Ngoại tiết niệu	6 (2/4)	30	120	150			NHGP 2213	2
15	NHTA 2416	Ngoại tiêu hóa	6 (2/4)	30	120	150			NHGP 2213	1
16	NHTK 2416	Ngoại thần kinh - cột sống	6 (2/4)	30	120	150			NHGP 2213	2
17	NHLN 2416	Ngoại tim mạch, lồng ngực	6 (2/4)	30	120	150			NHGP 2213	3
3.2	Học phần/module tự chọn (nếu có): 30 (Chọn 5 trong 7 học phần; 30 tín chỉ) (30%)									
18	NHGA 2516	Ngoại gan mật	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			3
19	NHNH 2516	Nam học	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			3
20	NHNI 2516	Ngoại nhi	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			4
21	NHCTII 2516	Bỏng và chấn thương nâng cao	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			4
22	NHTKII 2516	Ngoại thần kinh - cột sống nâng cao	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			4
23	NHLN II 2516	Ngoại tim mạch, lồng ngực nâng cao	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			4
24	NHTH 2516	Phẫu thuật tạo hình	6 (2/4)	30	120	150	NHGP 2213			4
IV	Tốt nghiệp: 3 (3%)									
25	NHTG 2613	Tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		Tất cả các học phần		6

T T	Mã HP/ Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	NHGP 2213		H		M		M	M	M						L	L
6	NHGM 2213			M	M	M	M	M		M				M		
7	NHHS 2213		H	M	H	H	M	M		M		M	M	M		M
8	NHQL 2212	M				M			M	M		H	H	H		
9	NHDL 2312				H	H	M		M							
10	NHHS 2312		H	M	M	H		M		M	M	M			M	M
11	NHCC 2312		H	M		M		M								
12	NHUT 2312		H	M		M		M								
13	NHCT 2416		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
14	NHTN 2416		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
15	NHTA 2416		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
16	NHTK 2416		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
17	NHTN 2416		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
18	NHGA 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
19	NHNH 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
20	NHNI 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
21	NHCTII 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
22	NHTKII 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
23	NHLNII 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
24	NHTH 2516		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	
25	NHTG 2613		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	

T	Mã HP/ Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
26	NHLV 28110		H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M	H	M	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Thuyết trình	x												x		
2	Giao bài tập, chuyên đề, tiểu luận	x	x			x	x	x			x			x		
3	Đóng vai	x											x			
4	Giảng dạy bên giường bệnh			x						x	x	x	x	x		
5	Giảng dạy ngoài giường bệnh			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
6	Cầm tay chỉ việc					x					x					
7	Kiến tập, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật			x	x	x	x	x	x	x	x	x				
8	Seminar		x				x	x			x					
9	Dạy học thông qua phản hồi thường xuyên về kế hoạch học tập, cải thiện bản thân của học viên											x			x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Phương pháp, nội dung đánh giá

Học phần	Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá	Trọng số	Điều kiện hoàn thành
Chung	Chuyên cần	Điểm danh giờ học lý thuyết và thái độ học tập. Hoặc: Điểm danh giờ học lý thuyết và Bài tập	10%	Điểm KTHP, TKHP \geq 6,0
	Thường xuyên	MCQ hoặc Tự luận hoặc Chỉ tiêu	10%	
	Giữa học phần	MCQ hoặc Bảng kiểm hoặc Bài tập	30%	
	Kết thúc học phần	Chuyên đề hoặc Tự luận hoặc Vấn đáp trên đề cương nghiên cứu hoặc Giảng dạy theo nhóm	50%	
Cơ sở ngành	Chuyên cần	Điểm danh giờ học lý thuyết và thái độ học tập. Hoặc: Điểm danh giờ học lý thuyết và Chỉ tiêu lâm sàng	10%	Điểm KTHP, TKHP \geq 6,0
	Thường xuyên	MCQ hoặc Tự luận hoặc Châm bệnh án	10%	
	Giữa học phần	Thực hành tại phòng Lab hoặc Thủ thuật hoặc Tình huống lâm sàng và Bệnh án	30%	
	Kết thúc học phần	MCQ hoặc Chuyên đề và vấn đáp	50%	
Chuyên ngành	Chuyên cần	Chỉ tiêu lâm sàng	10%	Điểm KTHP, TKHP \geq 7,0
	Thường xuyên	MCQ hoặc Báo cáo cá nhân hoặc Tình huống	10%	
	Giữa học phần	Mini-CEX	15%	
	Kết thúc học phần	MCQ	20%	
		Thực hiện thủ thuật/phẫu thuật trên mô hình/bệnh nhân. Bệnh án, Vấn đáp	30%	
Tốt nghiệp	Lý thuyết	MCQ	40%	Điểm KTHP, TKHP \geq 7,0
	Tay nghề	Bệnh án, Vấn đáp	20%	
		Thi phẫu thuật, thủ thuật	40%	
Luận văn		Báo cáo	100%	Điểm luận văn \geq 7,0

2. Ma trận tương quan giữa hình thức đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Trắc nghiệm khách quan	x	x							x			x	x			
2	Chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x	x			x				x	
3	Nghiên cứu ca bệnh	x	x		x	x		x		x			x	x			
4	Chăm Bệnh án	x	x	x	x	x		x		x			x				
5	Mini CEX		x	x	x	x		x		x	x	x					
6	Vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x			
7	Báo cáo chuyên đề	x	x						x							x	
8	Thi phẫu thuật, thủ thuật						x			x	x					x	
9	Chăm luận văn								x							x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHY Hà Nội (2022)		Trường ĐHY Dược Hải Phòng (2023)		Trường ĐHYD, ĐH Thái Nguyên	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)

Kiến thức chung	7	7	5	5	12	12
Kiến thức cơ sở ngành	12	12	10	10	15	15
Kiến thức chuyên ngành	55	55	46	46	30	30
Tự chọn chuyên ngành	6	6	20	20	30	30
Tốt nghiệp - Luận văn	20	20	19	19	13	13
Tổng	100	100	100	100	100	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng, cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Cần chỉnh sửa một số cụm từ trong chuẩn đầu ra Bổ sung danh sách bệnh Ngoại khoa thường gặp	Chỉnh sửa chuẩn đầu ra, Đã bổ sung danh sách Bệnh Ngoại khoa thường gặp
Cựu học viên	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành	Đã xây dựng thời lượng các tín chỉ thực hành tăng lên. Đã bổ sung Danh mục thủ thuật/phẫu thuật học viên phải đạt
Nhà tuyển dụng	Bổ sung học phần Hồi sức cấp cứu, tăng thời gian thực hành	Đã bổ sung học phần Hồi sức cấp cứu Đã tăng thời lượng thực hành chuyên ngành
Giảng viên	Giảm thiểu lý thuyết. Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Đã tăng thời lượng thực hành chuyên ngành
Học viên	Môn học lâm sàng chưa song hành với lý thuyết	Tổ chức đào tạo lý thuyết và thực hành cùng một học phần theo nhóm học viên (5-7 học viên/nhóm)

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học: thuộc khối kiến thức chung, được dạy- học ở học kì I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức sâu rộng của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các phương pháp luận cơ bản của Triết học. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh

giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CĐR) số 1 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng: thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cần thiết để có thể vận dụng vào việc viết và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung bài giảng, công cụ lượng giá và lượng giá người học. Phương pháp dạy - kết hợp thuyết trình thảo luận và đóng vai. Các phương pháp lượng giá người học là chấm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, đóng vai. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2, 13 mức độ vừa và CĐR số 1, 15 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Học phần tin học ứng dụng: thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin để học tập, nghiên cứu khoa học và báo cáo thuyết trình. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR 1, 15 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

4. Học phần Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học: thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học năng lực cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, bài tập cá nhân, chấm tiểu luận. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1, 8, 10, 11 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

5. Học phần Giải phẫu

Học phần Giải phẫu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy ở học kì 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giải phẫu định khu, những kỹ năng áp dụng về giải phẫu cơ thể trong việc chẩn đoán, điều trị phẫu thuật các bệnh lý ngoại khoa. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, kiến tập trên mô hình giải phẫu hiện đại, xem các video về định khu giải phẫu. Các phương pháp đánh giá, kiểm tra người học bao gồm thi thực hành trên mô hình, thi tự luận, viết báo cáo chuyên đề giải phẫu. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2 (mức độ cao), CĐR 4, 6, 7, 8 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

6. Học phần Gây mê hồi sức ngoại khoa

Học phần Gây mê hồi sức ngoại khoa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về gây mê hồi sức, những phương pháp vô cảm và hồi sức các bệnh lý ngoại khoa. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học bên giường bệnh, dạy học tại phòng mổ - phòng hồi sức sau mổ, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, làm bệnh án, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3,4,5,6,7,9,13 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

7. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Ngoại khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng

lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, kiểm tra thực hành đọc phim, thi kết thúc thực hành trên máy tính. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 4, 5 (mức độ cao), CĐR 3, 6, 7, 9, 11, 12, 13, 15 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

8. Học phần Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về dược động học, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm thuốc thường áp dụng trong điều trị bệnh lý ngoại khoa. Các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thuốc hợp lý, phát hiện những tác dụng không mong muốn của thuốc trong khi thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 4,5 (mức độ cao), CĐR 6, 8 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

9. Học phần Quản lý bệnh viện

Học phần Quản lý bệnh viện thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về SWOT và xây dựng được kế hoạch chiến lược của bệnh viện quản lý bệnh viện. Các kỹ năng cơ bản về thực hiện quản lý có hiệu quả nhân lực, tài chính, vật tư và trang thiết bị, công tác dược ở bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật dược và các văn bản liên quan. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu văn bản. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 11, 12, 13 (mức độ cao), CĐR 1,5,8,9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

10. Học phần Hồi sức cấp cứu

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về hồi sức cấp cứu, đặc biệt trong hồi sức cấp cứu các bệnh lý ngoại khoa trước và sau mổ. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học bên giường bệnh, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, làm bệnh án, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 5 (mức độ cao), CĐR 2, 3, 5, 9, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

11. Học phần Cấp cứu sản

Học phần Cấp cứu sản phụ khoa là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý cấp cứu sản phụ khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng

dẫn phẫu thuật/thủ thuật/kỹ thuật về cấp cứu sản phụ khoa trên người bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3, 4, 7, 9, 10, 11, 14, 15 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

12. Học phần Ung thư

Học phần Ung thư là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý ung thư thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/thủ thuật/kỹ thuật về bệnh lý ung thư thường gặp. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2 (mức độ cao), CĐR 3, 5, 7 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

13. Học phần Ngoại chấn thương chỉnh hình

Học phần Ngoại chấn thương chỉnh hình là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý chấn thương chỉnh hình. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

14. Học phần Ngoại Tiết niệu

Học phần Ngoại tiết niệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý tiết niệu. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

15. Học phần Ngoại tiêu hóa

Học phần Ngoại tiêu hóa (NHTA) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 4 tín chỉ thực hành. Được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất của chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên

lượng một số bệnh lý cấp cứu bụng tiêu hóa ngoại khoa. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CDR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

16. Học phần Ngoại thần kinh-cột sống

Học phần Ngoại thần kinh-sọ não là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 3 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại khoa thần kinh –cột sống. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CDR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

17. Học phần Ngoại tim mạch – lồng ngực

Học phần Ngoại tim mạch - lồng ngực là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 3 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại khoa lồng ngực - tim mạch. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CDR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

18. Học phần Ngoại Gan mật

Học phần Ngoại Gan mật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại gan mật. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11 (mức độ cao), CDR 7 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

19. Học phần Ngoại Nam học

Học phần Ngoại Nam học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại khoa nam học. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

20. Học phần Ngoại Nhi

Học phần Ngoại Nhi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 năm thứ ba. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại nhi. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

21. Học phần Bỏng, Chấn thương nâng cao

Học phần Bỏng, chấn thương nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 năm thứ ba. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý ngoại bỏng. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

22. Học phần Ngoại thần kinh - cột sống nâng cao

Học phần Ngoại thần kinh - cột sống nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 năm thứ ba. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý cột sống và thần kinh nâng cao. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR

2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

23. Học phần Tim mạch - lồng ngực nâng cao

Học phần **Tim mạch - lồng ngực nâng cao** là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý tim mạch - lồng ngực nâng cao. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

24. Học phần Phẫu thuật tạo hình

Học phần **Phẫu thuật tạo hình** là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số phẫu thuật tạo hình. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan MCQ, báo cáo chuyên đề, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi vấn đáp. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

25. Học phần tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 3 tín chỉ lý thuyết và thực hành được dạy ở kỳ học 6 năm thứ ba. Người học được củng cố lại kiến thức lý thuyết cũng như kỹ năng thực hành tay nghề với nhiều chuyên ngành khác nhau. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đánh giá cao trong các học phần chuyên ngành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thi lý thuyết bằng nghiên cứu ca bệnh, thi lâm sàng: hỏi thi trên bệnh án và thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.

26. Học phần Luận văn

Học phần Luận văn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành tương ứng với 10 tín chỉ lý thuyết, được dạy ở năm thứ ba học kỳ 4,5,6. Người học được củng cố lại kiến thức lý thuyết cơ sở cũng như kiến thức chuyên ngành. Năng lực nghiên cứu khoa học, tìm kiếm tài liệu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đánh giá cao nhất trong các học phần chuyên ngành. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học là báo cáo, thuyết trình và bảo vệ luận văn. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, (mức độ cao), CĐR 11,12,13,14,15 (mức độ trung bình) của chương trình BS Nội trú chuyên ngành ngoại khoa.


XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 60 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 5 phó giáo sư, 9 tiến sĩ, 5 thạc sĩ, 5 Bác sĩ CKII và 40 giảng viên kiêm nhiệm tại các bệnh viện là cơ sở thực hành của trường. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên bệnh viện Tỉnh Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên với đội ngũ phẫu thuật viên có trình độ và tay nghề cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực...đáp ứng được yêu cầu đào tạo bác sĩ Nội trú chuyên ngành Ngoại khoa.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 2006

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Trưởng Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)	Chủ tịch Hội đồng Khoa/bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Cập nhật mẫu bản mô tả mới ban hành theo QĐ 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/4/2021	02/2022	BSCKII Nguyễn Văn sử	
2	Rà soát, chỉnh sửa Bản mô tả CTĐT theo Kế hoạch số 1328/KH-ĐHYD ngày 30/12/2022 và Thông báo số 1073/ĐHYD-ĐT ngày 13/9/2023. 2.1. Chuẩn đầu ra: 15 chuẩn đầu ra chia thành 6 nhóm lĩnh vực. 2.2. Khung chương trình đào tạo: - Tổng số tín chỉ giảm còn 100 tín chỉ; - Điều chỉnh học phần cơ sở ngành: + Chuyển học phần Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Quản lý bệnh viện thành học phần bắt buộc	02/2024		

<ul style="list-style-type: none"> + Học phần Chẩn đoán hình ảnh là học phần tự chọn. - Cập nhật lại tiến trình dạy học. - Tăng số tín chỉ cho học phần luận văn tốt nghiệp. - Bổ sung các điều kiện tiên quyết trong quá trình học 			
<p>2.3. Tổ chức giảng dạy các học phần chuyên ngành gồm 2 vòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vòng 1: cơ bản + Vòng 2: nâng cao 			
<p>2.4. Bổ sung phương pháp lượng giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp trắc nghiệm khách quan; mini CEX; - Bổ sung nội dung lượng giá: thực hiện thủ thuật, phẫu thuật. 			

XVI. Thành phần phê duyệt

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng

Khoa/Bộ môn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

xây dựng rà soát

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

TS. Trần Chiến

TS. Nguyễn Vũ Hoàng